

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH ĐỒNG THÁP** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2022/DS-PT

Ngày: 14-3-2022

V/v tranh chấp chia tài sản chung  
cxa vợ chồng và chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chx tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tuấn Anh.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tấn Tạng.

Ông Phạm Minh Tùng.

**- Thư ký phiên tòa:**

Bà Phan Thị Kim Loan- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 29 tháng 9, 28 tháng 10, 26 tháng 11, 28 tháng 12 cxa năm 2021 và các ngày 20 tháng 01, 18 tháng 02, 14 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2021/TLPT- DS ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung cxa vợ chồng và chia di sản thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2021/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2021 cxa Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 222/2021/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Phan Thị K, sinh năm 1945 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Số XX, ấp An P, xã Định A, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo xy quyền cxa nguyên đơn:*

Chị Lê Nguyễn Thị Trúc X, sinh năm: 1989 (*có mặt*).

Địa chỉ: Số XX, khóm Bình Thạnh X, thị trấn Lấp VX, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp (theo Hợp đồng xy quyền được chứng thực ngày 12/10/2021)

**2. Bị đơn:** Anh Phan Thanh T, sinh năm: 1971 (*có mặt*).

Địa chỉ: Số 84/X, ấp An P, xã Định A, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

### **3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Phan Tấn L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số XX, ấp An P, xã Định A, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. Chị Phan Thị Kim K (Mỹ), sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số xx, ấp An B, xã Định Y, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

3. Chị Phan Thị D, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số xx, ấp Đất M, xã Thạnh M, huyện Vĩnh T, thành phố Cần Thơ (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Chị Phan Thị Mỹ Đ, sinh năm 1980.

Địa chỉ: số 80/xx, ấp An P, xã Định A, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- **Người kháng cáo:** Anh Phan Thanh T là bị đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Đại diện theo xy quyền cxa nguyên đơn bà Phan Thị K là chị Nguyễn Thị Trúc X trình bày:*

Bà Phan Thị K và ông Phan Văn x là vợ chồng, tổ chức đám cưới vào năm 1967 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung, bà K và ông x có tạo lập được số tài sản là thửa đất số 988, tờ bản đồ số 01 (bản đồ 299), diện tích 4.090m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 4.433m<sup>2</sup>), đất lúa; địa chỉ thửa đất ở ấp An P, xã Định A, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp; đất được UBND huyện Thạnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Phan Văn x vào ngày 27-11-1991. Nguồn gốc đất là do vợ chồng nhận chuyển nhượng từ ông Phan Văn T vào khoảng năm 1976. Vào ngày 27-10-2008, ông Phan Văn x chết (theo Giấy chứng tử số 74/2008 do Xy ban nhân dân xã Định A, huyện Lấp V cấp ngày 31-10-2008). Ông x chết không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất cxa ông Phan Văn x gồm:

1. Cụ Phan Thành K1, sinh năm 1909, chết năm 1983 (cha ruột cxa ông Phan Văn X).

2. Cụ Phạm Thị T, sinh năm 1909, chết năm 1999 (mẹ ruột cxa ông Phan Văn x).

3. Bà Phan Thị K, sinh năm 1945 (vợ cxa ông Phan Văn x).

4. Anh Phan Tấn L, sinh năm 1968 (con ruột cxa ông Phan Văn x).

5. Anh Phan Thanh T, sinh năm 1971 (con ruột cxa ông Phan Văn x).

6. Chị Phan Thị Kim K, sinh năm 1972 (con ruột cxa ông Phan Văn x).

7. Chị Phan Thị D, sinh năm 1974 (con ruột cxa ông Phan Văn x).

8. Chị Phan Thị Mỹ Đ, sinh năm 1980 (con ruột cxa ông Phan Văn x).

Trong hàng thừa kế thứ nhất cxa ông Phan Văn x có cha là cụ Phan Thành K1 và mẹ là cụ Phạm Thị T1 đã chết, những người còn lại trong hàng thừa kế thứ nhất cxa ông Phan Văn x có anh Phan Thanh T1 không đồng ý ký tên để làm thủ tục thừa kế.

Nay bà K yêu cầu Tòa án chia đôi phần tài sản chung giữa bà K và ông x theo pháp luật đối với thừa đất số 988, tờ bản đồ số 01, diện tích qua đo đạc thực tế là 4.433m<sup>2</sup>; đất tọa lạc tại ấp An P, xã Định A, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp, bà K yêu cầu được nhận 2.216,5m<sup>2</sup>. Phần diện tích đất còn lại là 2.216, 5m<sup>2</sup> là di sản thừa kế của ông P, bà K yêu cầu chia phần diện tích này làm 06 phần, bà K và 05 người con mỗi người được hưởng một phần, cụ thể mỗi phần là 369,4m<sup>2</sup>. Tổng diện tích bà K yêu cầu được nhận khi chia tài sản chung và chia di sản thừa kế theo pháp luật là 2.585,9m<sup>2</sup> thuộc một phần thừa đất số 988, tờ bản đồ số 01, đất do ông Phan Văn X đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà K yêu cầu được nhận hiện vật là toàn bộ diện tích đất 4.433m<sup>2</sup> và đồng ý trả giá trị cho mỗi đồng thừa kế được hưởng theo giá mà Hội đồng định giá đã định.

Phần diện tích đất tranh chấp nói trên bà K có cho anh Lê Văn L thuê hàng năm để canh tác. Khi xảy ra tranh chấp bà K không cho anh L thuê nữa, nhưng do anh L đã lỡ sạ lúa rồi nên bà K đồng ý để cho anh L sử dụng hết mùa vụ sẽ lấy đất lại. Vì vậy, bà K không có yêu cầu Toà án giải quyết về việc thuê đất giữa bà K và anh L.

*Bị đơn anh Phan Thanh T trình bày:*

Bà Phan Thị K và ông Phan Văn X là cha mẹ ruột cxa anh T, cha mẹ anh sinh được 05 anh chị em gồm anh Phan Thanh T, chị Phan Thị Kim K2, chị Phan Thị D, chị Phan Thị Mỹ Đ và anh Phan Tấn L. Ông nội là cụ Phan Thành K1, sinh năm 1909, chết năm 1983 và bà nội là cụ Phạm Thị T1, sinh năm 1909, chết năm 1999.

Vào ngày 27-10-2008, ông Phan Văn X chết nhưng không để lại di chúc. Khi còn sống thì ông Phan Văn X (cha anh T) có đứng tên thừa đất số 988, tờ bản đồ số 01 (bản đồ 299), diện tích 4.090m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 4.433m<sup>2</sup>), đất lúa; địa chỉ thừa đất tại ấp An P, xã Định A, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp. Phần diện tích đất này từ trước đến nay anh T không có quản lý sử dụng mà hàng năm mẹ ruột cxa anh là bà Phan Thị K cho người khác thuê để lấy tiền sinh sống. Nay mẹ của anh T yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế phần di sản do ông X chết để lại thì anh T cho rằng phần diện tích đất này có nguồn gốc là cxa bà nội là cụ Phạm Thị T1 nhận chuyển nhượng từ ông Phan Văn T2 vào khoảng năm 1987 và để cho cha là ông Phan Văn X đại diện hộ gia đình đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh T không có chứng cứ gì để chứng minh đất này là cxa bà nội mua, mà anh T cho rằng cha là ông Phan Văn X là con út ở chung

trong gia đình, thời điểm bà nội mua đất và đứng tên giấy chứng nhận là UBND huyện Thanh H cấp đất theo hộ gia đình có tên bà nội chung hộ khẩu, nên là tài sản của bà nội.

Do đó, anh T yêu cầu chia tài sản là phần diện tích đất qua đo đạc thực tế là 4.433m<sup>2</sup> làm 03 phần, bà nội được hưởng một phần, phần của bà nội thì giao cho anh T được quyền quản lý sử dụng để sau này anh T lo thờ cúng ông bà tổ tiên. Còn lại 02 phần thì anh T đồng ý chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế của ông X gồm: Mẹ ruột là bà Phan Thị K, cùng các anh chị em là anh Phan Thanh T, chị Phan Thị Kim K1, chị Phan Thị D, chị Phan Thị Mỹ Đ và anh Phan Tấn Lộc mỗi người được hưởng một phần. Anh T yêu cầu được lấy hiện vật là đất và đồng ý trả giá trị đất cho các đồng thừa kế khác theo giá mà Hội đồng định giá đã định.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phan Tấn L trình bày:*

Anh L là con ruột cxa ông Phan Văn X và bà Phan Thị K. Cha mẹ có 05 người con gồm: Phan Thanh T, Phan Thị Kim K1, Phan Thị D, Phan Thị Mỹ Đ và anh Phan Tấn L. Cha mẹ có tạo lập được sổ tài sản là thửa đất số 988, tờ bản đồ số 01, D tích 4.090m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 4.433m<sup>2</sup>), đất lúa; địa chỉ thửa đất tại ấp An P, xã Định A, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp; đất do cha là ông Phan Văn X đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào ngày 27-10-2008, cha là ông Phan Văn X chết nhưng không để lại di chúc. Nay mẹ là bà Phan Thị K yêu cầu Toà án chia tài sản chung và chia thừa kế di sản cxa cha để lại theo pháp luật thì anh L đồng ý theo như yêu cầu cxa bà K. Anh L đồng ý chia D đất 4.433m<sup>2</sup> làm 02 phần, phần của bà K được hưởng là 2.216,5m<sup>2</sup>. Còn lại 2.216,5m<sup>2</sup> là di sản cxa cha là Phan Văn X thì anh L đồng ý chia thừa kế làm 06 phần bằng nhau gồm mẹ là Phan Thị K và 05 anh em là Phan Thanh T, Phan Thị Kim K1, Phan Thị D, Phan Thị Mỹ Đ và anh Phan Tấn L mỗi người được hưởng một phần và anh L đồng ý giao đất cho bà K sử dụng, còn anh L yêu cầu được nhận giá trị đất theo giá mà Hội đồng định giá đã định.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phan Thị Kim K1 trình bày:*

Chị K1 là con ruột của ông Phan Văn X và bà Phan Thị K. Cha mẹ có 05 người con gồm: Phan Tấn L, Phan Thanh T, Phan Thị D, Phan Thị Mỹ Đ và chị Phan Thị Kim K1. Cha mẹ có tạo lập được tài sản là thửa đất số 988, tờ bản đồ số 01, D tích 4.090m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 4.433m<sup>2</sup>), đất lúa; địa chỉ thửa đất tại ấp An P, xã Định A, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp; đất do ông Phan Văn X đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng. Vào ngày 27-10-2008, cha là ông Phan Văn X chết nhưng không để lại di chúc. Nay mẹ là Phan Thị K yêu cầu Toà án chia tài sản chung và chia thừa kế di sản của cha để lại theo pháp luật thì chị K1 đồng ý theo như yêu cầu của bà K. Chị K1 đồng ý chia D đất 4.433 làm 02 phần, phần cxa bà K được hưởng là 2.216,5m<sup>2</sup>. Còn lại 2.216,5m<sup>2</sup> là di sản của ông X thì đồng ý chia thừa kế ra làm 06 phần bằng nhau, mỗi người được hưởng một phần và chị K1 đồng

ý giao đất cho mẹ là bà K sử dụng, còn chị K1 yêu cầu được nhận giá trị đất theo giá mà Hội đồng định giá đã định.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phan Thị Mỹ Đ trình bày:*

Chị Đ là con ruột cxa ông Phan Văn X và bà Phan Thị K. Cha mẹ có 05 người con gồm: Phan Tấn L, Phan Thanh T, Phan Thị D, chị Phan Thị Kim K1 và chị Phan Thị Mỹ Đ. Cha mẹ có tạo lập được tài sản là thửa đất số 988, tờ bản đồ số 01, D tích 4.090m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 4.433m<sup>2</sup>), đất lúa; địa chỉ thửa đất tọa lạc tại ấp An P, xã Định A, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp; đất do ông Phan Văn X đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào ngày 27-10-2008, cha là Phan Văn X chết nhưng không để lại di chúc. Nay mẹ là Phan Thị K yêu cầu Toà án chia tài sản chung và chia thừa kế di sản cxa cha để lại theo pháp luật thì chị Đ đồng ý theo như yêu cầu của bà K. Chị Đ đồng ý chia D đất 4.433m<sup>2</sup> làm 02 phần, phần của bà K được hưởng là 2.216,5m<sup>2</sup>. Còn lại 2.216,5m<sup>2</sup> là di sản của ông X thì đồng ý chia thừa kế ra làm 06 phần, mỗi người được hưởng một phần và chị Đ đồng ý giao đất cho bà K sử dụng, chị Đ yêu cầu được nhận giá trị đất theo giá mà Hội đồng định giá đã định.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phan Thị D trình bày tại văn bản trình bày ý kiến ngày 30-11-2020 như sau:*

Chị D thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của mẹ là Phan Thị K. Theo đó, chị D đồng ý chia D đất 4.433m<sup>2</sup> làm 02 phần, phần của bà K được hưởng là 2.216,5m<sup>2</sup>. Còn lại 2.216,5m<sup>2</sup> là di sản cxa ông X thì chị D đồng ý chia thừa kế ra làm 06 phần, mỗi người được hưởng 01 phần và chị D đồng ý giao đất cho bà K sử dụng, phần di sản cxa chị D được hưởng thì chị D yêu cầu được nhận giá trị đất theo giá mà Hội đồng định giá đã định.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 25-3-2021, anh Lê Văn L trình bày:*

Anh L có thuê của bà Phan Thị K phần D tích đất mà hiện nay bà K đang tranh chấp thuộc thửa số 988, tờ bản đồ số 01, D tích 4.090m<sup>2</sup> đất lúa; địa chỉ thửa đất tại ấp An P, xã Định A, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp để canh tác lúa. Việc thuê đất hai bên không có lập thành văn bản mà chỉ thoả thuận bằng lời nói, thời hạn thuê là thuê hàng năm, năm nào trả tiền năm đó. Sau khi xảy ra tranh chấp thì bà K không cho thuê nữa nhưng do anh Lãng lỡ xới đất rồi nên bà K đồng ý để cho anh Lãng làm hết mùa vụ này sẽ trả lại đất. Do đó, anh L không yêu cầu Toà án giải quyết việc thuê đất giữa anh L với bà K trong vụ án này.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2021/DS-ST ngày 21-5-2021 của Tòa án nhân dân huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:*

Căn cứ vào khoản 2, khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 228; Điều 147; Điều 157 và Điều 165 cxa Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 357; Điều 468; Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 623; Điều 649; Điều

650; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651; Điều 660 cxa Bộ luật dân sự. Điều 33 và Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 26; khoản 7 Điều 27 cxa Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 cxa Xy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị K.

1.1. Chia cho bà Phan Thị K được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ D tích đất đo đạc thực tế là 4.433m<sup>2</sup> mục đích sử dụng đất 2L, trong chu vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 về M1 theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09-9-2020 cxa Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp V, thuộc thửa đất số 988, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất ấp An P, xã Định A, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp; được Ủy ban nhân dân huyện Thanh H (nay là huyện Lấp V) cấp cho ông Phan Văn X đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 27-11-1991.

1.2. Bà Phan Thị K có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho anh Phan Thanh T với số tiền 27.705.000đ (*Hai mươi bảy triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng*).

1.3. Bà Phan Thị K có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho anh Phan Tân L với số tiền 27.705.000đ (*Hai mươi bảy triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng*).

1.4. Bà Phan Thị K có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho chị Phan Thị Kim K1 với số tiền 27.705.000đ (*Hai mươi bảy triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng*).

1.5. Bà Phan Thị K có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho chị Phan Thị D với số tiền 27.705.000đ (*Hai mươi bảy triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng*).

1.6. Bà Phan Thị K có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho chị Phan Thị Mỹ Đ với số tiền 27.705.000đ (*Hai mươi bảy triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cxa người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi cxa số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bà Phan Thị K có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, K1 khai sự thay đổi, biến động đối với thửa đất số 988, tờ bản đồ số 01, mục đích sử dụng đất lúa; địa chỉ thửa đất ấp An P, xã Định A, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp theo quy định cxa pháp luật.

(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01-7-2020 cxa Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò và sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp 09-9-2020 cxa Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, các chi phí tố tụng khác và tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án cxa các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02-6-2021 bị đơn anh Phan Thanh T kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2021/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2021 cxa Tòa án nhân dân huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa nội dung bản án sơ thẩm theo hướng:

Anh T không đồng ý chia cho bà Phan Thị K được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ D tích đất theo đo đạc thực tế 4.433m<sup>2</sup> mục đích sử dụng đất 2L trong chu vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 về M1 theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09-9-2020 cxa Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp V, thuộc thửa đất số 988, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất tại ấp An P, xã Định A, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp; được Ủy ban nhân dân huyện Thạnh H (nay là huyện Lấp V) cấp cho ông Phan Văn X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 27-11-1991. Lý do: Phần D tích đất trên là đất hộ do ông bà nội để lại chứ không phải đất do ông X, bà K mua.

Anh T yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết chia thừa kế số tiền bà K cho thuê đất từ khi ông X chết cho đến nay.

Anh T yêu cầu giám định sức khỏe, tâm thần của bà K xem bà có còn được minh mẫn không?

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Trúc X phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Phan Thanh T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Bị đơn anh Phan Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh T đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa quyết định của Bản án sơ thẩm theo hướng không chia tài sản chung và không chia di sản thừa kế như Bản án sơ thẩm đã tuyên án, mà phải chia 4.433m<sup>2</sup> đất thành 03 phần bằng nhau: Trong đó 01 phần chia cho bà nội Phạm Thị T1- phần này giao cho anh T được hưởng để sau này anh T dùng làm thờ cúng tổ tiên; còn lại 02 phần thì chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế cxa ông X gồm: chia cho mẹ là bà K, chia cho các anh em là Phan Tấn L, Phan Thanh T, Phan Thị Kim K1, Phan Thị D và Phan Thị Mỹ Đ mỗi người được hưởng 01 phần. Anh T lấy hiện vật sẽ trả cho các thừa kế khác bằng giá trị đất theo giá cxa Hội đồng định giá. Ngoài ra, anh T còn yêu cầu Tòa

án cấp phúc thẩm chia thừa kế số tiền mà bà K cho thuê đất từ khi ông X chết cho đến nay; yêu cầu giám định xem bà K có bị tâm thần hay không?

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm:*

- *Về tố tụng:* Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bị đơn anh Phan Thanh T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét thấy, đơn kháng cáo của bị đơn Phan Thanh T còn trong hạn luật định, đúng trình tự, thủ tục, nên chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về tố tụng:

[3.1] Nguyên đơn bà Phan Thị K khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng bà K - ông Phan Văn X và chia di sản thừa kế do ông Phan Văn X chết để lại nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng và chia di sản thừa kế” là xác định đúng quan hệ pháp luật và đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Phan Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị D.

[4] Về nội dung:

[4.1] Các đương sự trong vụ án đều thống nhất: Vợ chồng ông Phan Văn X và bà Phan Thị K sinh được 05 người con gồm: Anh Phan Tấn L, anh Phan Thanh T, chị Phan Thị Kim K1, chị Phan Thị D và chị Phan Thị Mỹ Đ. Trong thời kỳ hôn nhân tồn tại, vào ngày 27-11-1991 ông Phan Văn X được UBND huyện Thạnh H (nay là huyện Lấp V), tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, D

tích 4.090m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 4.433m<sup>2</sup>), đất lúa, thửa số 988, tờ bản đồ số 01 (bản đồ 299), đất tọa lạc tại ấp An P, xã Định A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Ông Phan Văn X chết vào ngày 27-10-2008 (theo Giấy chứng tử số 74/2008 do UBND xã Định A cấp ngày 31-10-2008). Ông X chết không để lại di chúc. Trong hàng thừa kế cxa ông X thì ngoài vợ, con, còn có cha ông X là cụ Phan Thanh K2 (chết năm 1983) và mẹ ông X là cụ Phạm Thị T1 (chết năm 1999), nhưng cha và mẹ của ông X đều chết trước ông X. Sau khi ông X chết, bà K cho người khác thuê phần đất tranh chấp làm lúa, cho thuê chỉ bằng lời nói, thỏa thuận theo năm hoặc theo mùa vụ chứ không lập thành hợp đồng văn bản, nay bà K và anh L là người thuê đất không có tranh chấp.

[4.2] Nguyên đơn bà Phan Thị K cho rằng phần đất tranh chấp là 4.090m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế là 4.433m<sup>2</sup>), đất lúa, thuộc thửa 988, tờ bản đồ số 01 (bản đồ 299), tọa lạc tại ấp An P, xã Định A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp mà UBND huyện Thạnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Phan Văn X là tài sản chung của vợ chồng bà. Nay ông X đã chết, bà yêu cầu được chia đôi phần đất này, bà được hưởng 01 phần (chia tài sản chung của vợ chồng) tương đương 2.216,5m<sup>2</sup>, phần còn lại chia làm 06 phần, bà hưởng 01 phần, 05 người con mỗi người hưởng 01 phần (chia thừa kế di sản do ông X để lại). Tổng cộng bà K được hưởng 2.585,9m<sup>2</sup> (2.216,5m<sup>2</sup> + 369,4m<sup>2</sup>), còn 05 người con thì mỗi người được hưởng 369,4m<sup>2</sup>. Bà K yêu cầu được nhận tài sản được chia bằng hiện vật, tức là toàn bộ D tích 4.433m<sup>2</sup> đất và đồng ý trả giá trị cho mỗi người con theo giá mà Hội đồng định giá đã định là 27.705.000 đồng (75.000 đồng/m<sup>2</sup> x 369,4m<sup>2</sup>). Có 04 người con là anh Phan Tấn L, chị Phan Thị Kim K1, chị Phan Thị D và chị Phan Thị Mỹ Đ đồng ý theo yêu cầu của bà K, chỉ riêng bị đơn là anh Phan Thanh T không đồng ý.

[4.3] Bị đơn anh Phan Thanh T kháng cáo cho rằng đất này của ông bà nội anh (cụ K2, cụ T1) mua, rồi để cho cha anh là ông Phan Văn X đứng tên do ông X là con út sống chung trong gia đình, việc UBND huyện Thạnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông X là cấp cho hộ chứ không phải cấp cho cá nhân ông X, nên anh T không đồng ý chia theo yêu cầu cxa bà K mà chỉ đồng ý chia đất làm 03 phần, bà nội anh được 01 phần thì giao cho anh hưởng để thờ cúng tổ tiên, còn 02 phần thì chia thừa kế theo pháp luật cho mẹ anh, anh T và các anh em của anh T. Xét kháng cáo này của anh T là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ theo lời trình bày của bà K, anh L, chị K1, chị D và chị Đ thì phần đất tranh chấp này là đất do vợ chồng ông Phan Văn X và bà Phan Thị K mua của ông Phan Văn T2 vào khoảng năm 1976, tuy thời gian đã lâu không xác định được giấy tờ mua bán nhưng cùng xác định đây là tài sản mà ông X và bà K tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân. Hơn nữa, anh T không có chứng cứ chứng minh phần đất tranh chấp là do bà nội anh T (cụ T2) nhận chuyển nhượng và vì ông X ở chung hộ với cụ T2 nên được cho đứng tên như lập luận của anh T đã nêu ra. Bên cạnh đó, theo Công văn số 164/UBND-NC ngày 02-11-2020 cxa UBND

huyện Lấp V và Công văn số 1114/CNHLV ngày 19-8-2020 cxa Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp V cung cấp thông tin xác định: Do việc lưu trữ hồ sơ trước đây gặp khó khăn và công tác lưu trữ chưa đảm bảo theo quy định nên không thể cung cấp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 988, tờ bản đồ số 01 theo yêu cầu cxa Tòa án. Tuy nhiên, trước khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông X đối với thửa 988, tờ bản đồ số 01 thì sổ mục K1 thể hiện tên chưa sử dụng đất là ông Phan Văn X. Do đó, có đủ căn cứ để xác định rằng, trước khi được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chính thức thì ông Phan Văn X đã xác lập quyền sử dụng phần đất tranh chấp này trên thực tế, nên việc anh T cho rằng đất tranh chấp của cụ T1 là không có căn cứ.

[4.4] Bị đơn Phan Thanh T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chia thừa kế số tiền mà bà K có được do cho thuê, vườn đất tranh chấp kể từ khi ông Phan Văn X chết cho đến nay. Xét thấy nội dung này chưa được các đương sự yêu cầu giải quyết ở Tòa án cấp sơ thẩm, nên căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự không thuộc phạm vi giải quyết cxa Tòa án cấp phúc thẩm, nên không xem xét. Anh T có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4.5] Anh T kháng cáo yêu cầu giám định tâm thần của mẹ anh là bà Phan Thị K. Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, người đại D theo ủy quyền của bà K là chị Trúc X và những người con còn lại của bà K là anh L, chị Kim K1, chị Mỹ Đ đều khẳng định bà K hoàn toàn tỉnh táo, mạnh khỏe, không có biểu hiện tâm thần. Hơn nữa, xét thấy vào ngày 12-10-2021 bà Phan Thị K và chị Lê Nguyễn Thị Trúc X có đến tại UBND thị trấn Lấp V, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp để chứng thực giấy ủy quyền tham gia tố tụng (Số chứng thực 224, quyển 01/2021-SCT/HĐ, GD), tại đây Cơ quan chứng thực xác định tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ yêu cầu và chứng thực, các bên tham gia hợp đồng ủy quyền đều minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình; tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng và đã cùng ký tên vào trước mặt người tiếp nhận hồ sơ. Vì vậy không có cơ sở để giám định tâm thần đối với nguyên đơn Phan Thị K, không chấp nhận kháng cáo cxa bị đơn về phần này.

[4.6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị K là có cơ sở chấp nhận, Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2021/DS-ST ngày 21-5-2021 cxa Tòa án nhân dân huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp giải quyết có căn cứ. Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn Phan Thanh T là không có cơ sở, nên không chấp nhận kháng cáo. Vì vậy giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[4.7] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4.8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo cxa bị đơn không được

chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4.9] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 26; Điều 38; Điều 148 và khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, Điều 468, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651, Điều 660 cxa Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 33 và Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 cxa Xy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Phan Thanh T.
2. Giữ nguyên quyết định cxa Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2021/DS-ST ngày 21-5-2021 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp;

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện cxa nguyên đơn bà Phan Thị K.
  - 1.1. Chia cho bà Phan Thị K được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ D tích đất đo đạc thực tế là 4.433m<sup>2</sup> mục đích sử dụng đất 2L, trong chu vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6 về M1 theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 09-9-2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp V, thuộc thửa đất số 988, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất tại ấp An P, xã Định An, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp; được ủy ban nhân dân huyện Thạnh H (nay là huyện Lấp V) cấp cho ông Phan Văn X đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 27-11-1991.
  - 1.2. Bà Phan Thị K có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho anh Phan Thanh T với số tiền 27.705.000đ (*Hai mươi bảy triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng*).
  - 1.3. Bà Phan Thị K có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho anh Phan Tấn L với số tiền 27.705.000đ (*Hai mươi bảy triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng*).
  - 1.4. Bà Phan Thị K có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho chị Phan Thị Kim K1 với số tiền 27.705.000đ (*Hai mươi bảy triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng*).

1.5. Bà Phan Thị K có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho chị Phan Thị D với số tiền 27.705.000đ (*Hai mươi bảy triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng*)

1.6. Bà Phan Thị K có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho chị Phan Thị Mỹ Đ với số tiền 27.705.000đ (*Hai mươi bảy triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cxa người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi cxa số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bà Phan Thị K có quyền và nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đề đăng ký, K1 khai sự thay đổi, biến động đối với thửa đất số 988, tờ bản đồ số 01, mục đích sử dụng đất lúa; địa chỉ thửa đất tại ấp An P, xã Định A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp theo quy định cxa pháp luật.

(*Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01-7-2020 cxa Toà án nhân dân huyện Lấp Vò và Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp 09-9-2020 cxa Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò*).

## 2. Về án phí:

2.1. Bà Phan Thị K được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Anh Phan Thanh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.385.000đ (*Một triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

2.3. Anh Phan Thanh T phải chịu tiền án phí phúc thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0014216 ngày 04-6-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

2.4. Chị Phan Thị Kim K1 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.385.000đ (*Một triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng*). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị K1 đã nộp là 693.000đ (*Sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng*) theo biên lai thu số BI/2019/0009825 ngày 25-11-2020. Số tiền án phí chị K1 phải nộp tiếp là 692.000đ (*Sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng*).

2.5. Chị Phan Thị D phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.385.000đ (*Một triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng*). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp là 693.000đ (*Sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng*) theo biên lai thu số BI/2019/0009842 ngày 01-12-2020. Số tiền án phí chị D phải nộp tiếp là 692.000đ (*Sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng*).

2.6. Chị Phan Thị Mỹ Đ phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.385.000đ (*Một triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng*). Được khấu trừ vào số

tiền tạm ứng án phí mà chị Đ đã nộp là 693.000đ (Sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số BI/2019/0009824 ngày 25-11-2020. Số tiền án phí chị Đ phải nộp tiếp là 692.000đ (Sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng).

2.7. Anh Phan Tấn L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.385.000đ (Một triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh L đã nộp là 693.000đ (Sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số BI/2019/0009823 ngày 25-11-2020. Số tiền án phí anh L phải nộp tiếp là 692.000đ (Sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện cxa bà Phan Thị K về việc tự nguyện chịu số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.448.000đ và chi phí định giá là 300.000đ, tổng cộng là 5.748.000đ (Năm triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Số tiền này bà Phan Thị K đã nộp và chi xong.

4. Các phần còn lại cxa bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- VP TA Tỉnh;
- Tòa án nhân dân huyện Lấp V;
- Chi Cục THA DS huyện Lấp V;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA (Loan).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tuấn Anh**